

Bản án số: 275/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05 – 12 – 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đoàn Thị Sim.
- Ông Bùi Minh Thiệp.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Tú – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 254/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 437/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hồng Thị N, sinh năm 1982; Căn cước công dân số: 096182011999, cấp ngày 10/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp 1, xã C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hà Văn D, sinh năm 1977; Căn cước số: 096077005911, cấp ngày 09/7/2025, nơi cấp: Bộ Công an; Địa chỉ: ấp 1, xã C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Hồng Thị N và anh Hà Văn D chung sống với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu giữa vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau, theo chị N trình bày giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và chị với anh D đã sống ly thân 07 năm nay, hiện chị không còn tình cảm với anh D nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D, riêng anh D cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung, chị Hồng Thị N và anh Hà Văn D khai có 03 người con chung là Hà Phát Huy, sinh ngày 15/02/2004; Hà Huy Chương, sinh ngày 20/02/2006 và Hà Ngọc Giàu, sinh ngày 05/7/2017. Hiện cháu Huy, cháu Chương đã thành niên nên khi ly hôn, chị N cùng anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Giàu, chị N yêu cầu nhận nuôi và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, anh D

cũng đồng ý. Riêng cháu Giàu có nguyện vọng được chung sống với chị N khi chị N, anh D ly hôn.

Về tài sản chung, chị Hồng Thị N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh Hà Văn D xác định tài sản chung có một căn nhà. Tuy nhiên, khi ly hôn anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết mà giữa anh, chị sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Về nợ chung, chị Hồng Thị N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng anh Hà Văn D xác định có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đồng thời, chị N đã có lời khai và xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc làm thuê ở Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã có lời khai và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của nguyên đơn.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cấp ngày 10/8/2003 nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét mẫu thuẫn thực tế được các đương sự thừa nhận là có thật và cũng chính từ mâu thuẫn nêu trên, cuộc sống hôn nhân giữa các đương sự không hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau. Do đó, có căn cứ để nhận định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn được chấp nhận.

[3] Về con chung là Hà Phát Huy, sinh ngày 15/02/2004; Hà Huy Chương, sinh ngày 20/02/2006 và Hà Ngọc Giàu, sinh ngày 05/7/2017. Hiện cháu Huy, cháu Chương đã thành niên nên khi ly hôn, các đương sự không đặt ra yêu cầu gì về con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Riêng cháu Giàu là người chưa thành niên nên khi ly hôn, bị đơn đồng ý giao con cho nguyên đơn nuôi và không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, các đương sự thỏa thuận thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con trên tinh thần tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tuy các đương sự trình bày không thống nhất nhưng bị đơn không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung, các đương sự khai không thống nhất nhưng theo bị đơn trình bày thì khoản nợ Ngân hàng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên đây là nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên, bị đơn không yêu cầu Tòa án phân chia trách nhiệm trả nợ trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Hồng Thị N về việc xin ly hôn anh Hà Văn D.

- Về con chung là Hà Phát Huy, sinh ngày 15/02/2004; Hà Huy Chương, sinh ngày 20/02/2006 và Hà Ngọc Giàu, sinh ngày 05/7/2017. Hiện cháu Huy, cháu Chương đã thành niên nên không đặt ra xem xét. Riêng cháu Giàu, tiếp tục giao cho chị Hồng Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm anh Hà Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Hồng Thị N và anh Hà Văn D không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Hồng Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 10/10/2025, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0001563 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã C, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân